|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM**  **BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
|  | |  |

*Bắc Giang, ngày tháng năm 20*

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH**

**QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

**1. Thông tin chung về học phần**

- Mã học phần: THN2009

- Số tín chỉ: 02

- Loại học phần: Tự chọn

- Các học phần tiên quyết: Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2

- Các học phần song hành: Các học phần chuyên ngành.

- Các yêu cầu với học phần: Có các thiết bị hỗ trợ dạy học như máy chiếu, loa tăng âm…

- Bộ môn (Khoa) phụ trách học phần: Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học

- Số tiết quy định đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết.

+ Thực hành, thảo luận: 30 tiết.

+ Tự học: 60 giờ.

**2. Thông tin chung về các giảng viên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị,**  **họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | ThS. Đỗ Thị Huyền | 0982.036.952 | *huyendt@bafu.edu.vn* |  |
| 2 | ThS. Nguyễn Thị Hoa | 0989.192.092 | *nguyenhoa190288@gmail.com* |  |
| 3 | NCS. Nguyễn Thị Thúy Lan | 0977.668.039 | *lanntt@bafu.edu.vn* |  |
| 4 | CN. Ngô Thị Hoàng Anh | 0984.315.415 | *hoanganhenglish@gmail.com* |  |
| 5 | TS. Vũ Phạm Điệp Trà | 0912.017.889 | *dieptravu@gmail.com* |  |

**3. Mục tiêu của học phần**

***- Yêu cầu về kiến thức***

Có vốn kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp liên quan đến chuyên ngành Quản lý đất đai.

***- Yêu cầu về kỹ năng***

Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ chính là đọc hiểu, viết, dịch thuật liên quan đến chuyên ngành Quản lý đất đai.

**-** ***Yêu cầu về năng lực tự chủ & trách nhiệm***

Chủ động nghiên cứu và khai thác các tài liệu khoa học thuộc chuyên ngành Quản lý đất đai để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

*Ghi chú: Mục tiêu của học phần được thể hiện tại Phụ lục 2*

**4. Chuẩn đầu ra của học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã CĐR**  **(LO)** | **Mô tả CĐR học phần** |
| **1** | ***LO.1*** | ***Chuẩn đầu ra về kiến thức*** |
| LO.1.1 | Sử dụng được từ vựng, các mẫu cơ bản trong một số chủ đề chính liên quan đến chuyên ngành Quản lý đất đai. |
| **2** | ***LO.2*** | ***Chuẩn đầu ra về kỹ năng*** |
| LO.2.1 | Đọc, viết và dịch về các chủ đề liên quan đến Quản lý đất đai. |
| **3** | ***LO.3*** | ***Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm*** |
| LO.3.1 | Có tinh thần trách nhiệm với công việc, không ngừng học tập tìm hiểu, nâng cao chuyên môn. |

# *Ghi chú: Mã hóa chuẩn đầu ra học phần, đánh giá mức độ tương thích của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra CTĐT được thể hiện tại Phụ lục 1.*

**5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

**- Vị trí**: Học phần *Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý đất đai* là học phần tự chọn dành cho sinh viên khoa tài nguyên môi trường, ngành Quản lý đất đai.

- **Vai trò**: Học phần *Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý đất đai* giúp cho người học làm quen với phong cách tiếng Anh học thuật liên quan đến chuyên ngành Quản lý đất đai.

- **Quan hệ của học phần này với các học phần khác thuộc chương trình đào tạo**: Học phần *Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý đất đai* là học phần kế thừa những kiến thức sinh viên đã tích luỹ từ học phần *Tiếng Anh 1*, *Tiếng Anh 2.* Sinh viên đã có vốn kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh và kiến thức nền về các chuyên ngành liên quan đến Quản lý đất đai; giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc, viết và dịch các văn bản tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành Quản lý đất đai.

- **Khối lượng kiến thức cần trang bị cho người học:**

|  |  |
| --- | --- |
| Từ vựng | Từ vựng theo chủ đề: nguồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên đất, đánh giá đất, quy hoạch sử dụng đất, hệ thống thông tin địa lý, trắc địa, thị trường bất động sản, luật đất đai.... |
| Ngữ pháp | Câu bị động, mệnh đề quan hệ, tính từ và đại từ xác định, cách nói mục đích, từ chức năng, cách viết định nghĩa. |
| Đọc, Viết, Dịch | Chủ đề: liên quan đến quản lý đất đai  Đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành |

**6. Mức độ đóng góp của các bài giảng để đạt được chuẩn đầu ra của học phần**

Mức độ đóng góp của mỗi bài giảng được mã hóa theo 3 mức, trong đó:

*+ Mức 1: Thấp (Nhớ: Bao gồm việc người học có thể nhớ lại các điều đặc biệt hoặc tổng quát, trọn vẹn hoặc một phần các quá trình, các dạng thức, cấu trúc… đã được học. Ở cấp độ này người học cần nhớ lại đúng điều được hỏi đến.)*

*+ Mức 2: Trung bình (Hiểu: Ở cấp độ nhận thức này, người học cần nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ.)*

*+ Mức 3: Cao (Vận dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo: Người học có khả năng chia các nội dung, các thông tin thành những phần nhỏ để có thể chỉ ra các yếu tố, các mối liên hệ, các nguyên tắc cấu trúc của chúng.)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bài giảng** | **Chuẩn đầu ra của học phần** | | |
| **LO.1.1** | **LO.2.1** | **LO.3.1** |
| Unit 1 | 3 | 3 | 2 |
| Unit 2 | 3 | 3 | 2 |
| Unit 3 | 3 | 3 | 2 |
| Unit 4 | 3 | 3 | 2 |
| Unit 5 | 3 | 3 | 2 |
| Unit 6 | 3 | 3 | 2 |
| Unit 7 | 3 | 3 | 2 |
| Unit 8 | 3 | 3 | 2 |
| Unit 9 | 3 | 3 | 2 |
| Unit 10 | 3 | 3 | 2 |
| Unit 11 | 3 | 3 | 2 |

**7. Danh mục tài liệu**

***- Tài liệu học tập chính***

[1] Nguyễn Thị Minh Nguyệt, *Tiếng Anh chuyên ngành Thổ nhưỡng và Môi trường đất*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2007.

***- Tài liệu tham khảo:***

[2]. Đỗ Thị Huyền*, Bài giảng Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý Đất đai*, 2016.

[3]. Võ Văn Việt, *Anh văn chuyên ngành quản lý đất đai và bất động sản*, 2008.

[4]. David G. Rossiter, *Land Evaluation - Cornell University*, 1994.

[5]. ĐH Kỹ Thuật Công Nghệ, English for Enviromental Studies.

[6]. Một số Website:

[*http://en.wikipedia.org/wiki/Geographic\_information\_system*](http://en.wikipedia.org/wiki/Geographic_information_system)

[*http://dialy.hnue.edu.vn/index.php?option=com\_glossary&func=display&Itemid=47&catid=45*](http://dialy.hnue.edu.vn/index.php?option=com_glossary&func=display&Itemid=47&catid=45)

[*http://www.setupcompanyvietnam.com/setup-company/76/law-302009qh12-17062009-.html*](http://www.setupcompanyvietnam.com/setup-company/76/law-302009qh12-17062009-.html)

**8. Nhiệm vụ của người học**

***8.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận***

- Dự lớp ≥ 80% tổng số thời lượng của học phần.

- Sinh viên phải nghiên cứu trước giáo trình và các tài liệu tham khảo có liên quan đã được cung cấp.

- Tích cực thực hiện các hoạt động học tập do giảng viên yêu cầu.

*Ghi chú: Nhiệm vụ của người học được thể hiện tại Phụ lục 3*

***8.2. Phần thực hành***

Hoàn thành các bài tập được giao trong phần bài tập thực hành.

***8.3. Phần bài tập lớn:*** *Không có*

***8.4. Phần khác:*** *Không có*

**9. Phương pháp giảng dạy**

- Phần lý thuyết: Thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận, phương pháp trực quan, áp dụng trò chơi ngôn ngữ.

- Phần thực hành: Cá nhân/cặp/nhóm thực hành làm bài tập, thuyết trình.

*Ghi chú: Phương pháp giảng dạy được thể hiện tại Phụ lục 3*

**10. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập**

***- Phương pháp:*** Trắc nghiệm,Tự luận, Thuyết trình

***- Hình thức:*** Làm bài Trắc nghiệm + Tự luận (Kỹ năng Đọc, Viết) và Thuyết trình theo chủ đề

***- Đánh giá kết quả học tập:*** Theo thang điểm 10

***- Kế hoạch đánh giá và trọng số***

**Bảng 1: Đánh giá CĐR của học phần**

| **CĐR của học phần** | **Điểm kiểm quá trình** | | | | **Điểm thi** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chuyên cần | Bài kiểm tra số 1 | Bài thi giữa học phần | Bài kiểm tra số 2 | Thi vấn đáp (tự luận) |
| 10% | 10% | 20% | 10% | 50% |
| Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý đất đai | X | X | X | X | X |

**Bảng 2: Đánh giá học phần**

***Bảng 2.1. Đánh giá chuyên cần***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR của HP** | **Điểm tối đa** |
| 1 | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận | 10% | Thái độ tham dự (2%)  Trong đó:  *- Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%)*  *- Khá chú ý, có tham gia (1,5%)*  *- Có chú ý, ít tham gia (1%)*  *- Không chú ý, không tham gia (0%)* | **LO.3.1.** | 2 |
| Thời gian tham dự (8%)  *- Nếu vắng 01 tiết trừ 1 %*  *- Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần thì không đánh giá.* | **LO.3.1.** | 8 |

***Bảng 2.2. Đánh giá bài kiểm tra số 1, 2 và Bài thi giữa học phần***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trọng số** | **Giỏi - Xuất sắc**  **(8,5-10)** | **Khá**  **(7,0-8,4)** | **Trung bình**  **(5,5-6,9)** | **Trung bình yếu**  **(4,0-5,4)** | **Kém**  **<4,0** |
| **Bài kiểm tra số 1** | | | | | | |
| Kiến thức của Unit 1-4. Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | 100% | Hiểu >85% kiến thức của Unit 1-4. Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của Unit 1-4. Có khả năng vận dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của Unit 1-4. Có khả năng vận dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của Unit 1-4. Có khả năng vận dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%  kiến thức của Unit 1-4.  Chưa có khả năng vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi |
| **Bài thi giữa học phần** | | | | | | |
| Kiến thức của Unit 1-7. Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | 100% | Hiểu >85% kiến thức của Unit 1-7. Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của Unit 1-7. Có khả năng vận dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của Unit 1-7. Có khả năng vận dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của Unit 1-7. Có khả năng vận dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%  kiến thức của Unit 1-7.  Chưa có khả năng vận dụng kiến môn để trả lời câu hỏi |
| **Bài kiểm tra số 2** | | | | | | |
| Kiến thức của Unit 1-11. Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | 100% | Hiểu >85% kiến thức của Unit 1-11. Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của Unit 1-11. Có khả năng vận dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của Unit 1-11.  Có khả năng vận dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của Unit 1-11. Có khả năng vận dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%  kiến thức của Unit 1-11.  Chưa có khả năng vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi |

***Bảng 2.3. Đánh giá điểm thi (Trắc nghiệm + Tự luận)***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trọng số** | **Giỏi – Xuất sắc**  **(8,5-10)** | **Khá**  **(7,0-8,4)** | **Trung bình**  **(5,5-6,9)** | **Trung bình yếu**  **(4,0-5,4)** | **Kém**  **<4,0** |
| Kiến thức của Unit 1-11. Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | 100% | Hiểu >85% kiến thức của Unit 1-11. Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi. | Hiểu 70%- 84% kiến thức của Unit 1-11. Có khả năng vận dụng 80% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi. | Hiểu 55%- 69% kiến thức của Unit 1-11. Có khả năng vận dụng 50% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi. | Hiểu 40% - 50% kiến thức của Unit 1-11. Có khả năng vận dụng 30% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi. | Hiểu <40%  kiến thức của Unit 1-11.  Chưa có khả năng vận dụng kiến thức của môn để trả lời câu hỏi |

*Ghi chú: Phương pháp kiểm tra đánh giá được thể hiện tại Phụ lục 4*

**11. Nội dung chi tiết học phần**

**11.1. Nội dung về lý thuyết *(Tổng số tiết: 15)***

**UNIT 1: RESOURCES**

(Tổng số tiết: 1,5; Số tiết lý thuyết: 1,0; Số tiết bài tập, thảo luận: 0,5)

1. **Reading**
2. **Vocabulary**

**UNIT 2: LAND RESOURCES**

(Tổng số tiết: 1,5; Số tiết lý thuyết: 1,0; Số tiết bài tập, thảo luận: 0,5)

1. **Reading**
2. **Vocabulary**

**UNIT 3: LAND RESOURCES IN VIETNAM**

(Tổng số tiết: 1,5; Số tiết lý thuyết: 1,0; Số tiết bài tập, thảo luận: 0,5)

1. **Reading**
2. **Vocabulary**

**UNIT 4: HUMAN IMPACT ON ENVIRONMENT**

(Tổng số tiết: 1,5; Số tiết lý thuyết: 1,0; Số tiết bài tập, thảo luận: 0,5)

1. **Reading**
2. **Vocabulary**

**UNIT 5: POLLUTION**

(Tổng số tiết: 1,5; Số tiết lý thuyết: 1,0; Số tiết bài tập, thảo luận: 0,5)

1. **Reading**
2. **Vocabulary**

**UNIT 6: LAND EVALUATION**

(Tổng số tiết: 1,5; Số tiết lý thuyết: 1,0; Số tiết bài tập, thảo luận: 0,5)

1. **Reading**
2. **Vocabulary**

**UNIT 7: LAND-USE PLANNING AND LAND ALLOCATION**

(Tổng số tiết: 1,5; Số tiết lý thuyết: 1,0; Số tiết bài tập, thảo luận: 0,5)

1. **Reading**
2. **Vocabulary**

**UNIT 8: GEOGRAPHICAL INFORMATION SYSTEM**

(Tổng số tiết: 1,5; Số tiết lý thuyết: 1,0; Số tiết bài tập, thảo luận: 0,5)

1. **Reading**
2. **Vocabulary**

**UNIT 9: SURVEYING**

(Tổng số tiết: 1,0; Số tiết lý thuyết: 0,5; Số tiết bài tập, thảo luận: 0,5)

1. **Reading**
2. **Vocabulary**

**UNIT 10: LAND AND PROPERTY MARKETS**

(Tổng số tiết: 1,0; Số tiết lý thuyết: 0,5; Số tiết bài tập, thảo luận: 0,5)

1. **Reading**
2. **Vocabulary**

**UNIT 11: LAND LAW IN VIETNAM**

(Tổng số tiết: 1,0; Số tiết lý thuyết: 0,5; Số tiết bài tập, thảo luận: 0,5)

1. **Reading**
2. **Vocabulary**

***11.2. Nội dung về thực hành (Tổng số tiết: 30. Trong đó có 03 tiết kiểm tra)***

**UNIT** **1: RESOURCES**

(Tổng số tiết: 2,5)

**1. Writing**

**2. Translation**

**3. Further practice**

**UNIT** **2: LAND RESOURCES**

(Tổng số tiết: 2,5)

**1. Writing**

**2. Translation**

**3. Further practice**

**UNIT** **3: LAND RESOURCES IN VIETNAM**

(Tổng số tiết: 2,5)

**1. Writing**

**2. Translation**

**3. Further practice**

**UNIT** **4: HUMAN IMPACT ON ENVIRONMENT**

(Tổng số tiết: 2,5)

**1. Writing**

**2. Translation**

**3. Further practice**

**Progress Test 1 (Kiểm tra định kỳ lần 1)**

**UNIT** **5: POLLUTION**

(Tổng số tiết: 2,5)

**1. Writing**

**2. Translation**

**3. Further practice**

**UNIT** **6: LAND EVALUATION**

(Tổng số tiết: 2,5)

**1. Writing**

**2. Translation**

**3. Further practice**

**UNIT 7: LAND-USE PLANNING AND LAND ALLOCATION**

(Tổng số tiết: 2,5)

**1. Writing**

**2. Translation**

**3. Further practice**

**Mid - Term Test (Bài thi giữa học phần)**

**UNIT 8: GEOGRAPHICAL INFORMATION SYSTEM**

(Tổng số tiết: 2,5)

**1. Writing**

**2. Translation**

**3. Further practice**

**UNIT 9: SURVEYING**

(Tổng số tiết: 2,5)

**1. Writing**

**2. Translation**

**3. Further practice**

**UNIT 10: LAND AND PROPERTY MARKETS**

(Tổng số tiết: 2,5)

**1. Writing**

**2. Translation**

**3. Further practice**

**UNIT 11: LAND LAW IN VIETNAM**

(Tổng số tiết: 2,0)

**1. Writing**

**2. Translation**

**3. Further practice**

**Progress Test 2 (Kiểm tra định kỳ lần 2)**

**11.3. Nội dung về bài tập lớn:** Không

**12. Thời gian phê duyệt đề cương học phần:** Ngày… tháng … năm ………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **GIẢNG VIÊN PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN** | | **TRƯỞNG BỘ MÔN** | | **TRƯỞNG KHOA** | |
|  | |  | |  | |

**PHỤ LỤC 1**

**MÃ HÓA CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN, ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TƯƠNG THÍCH CỦA CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CTĐT**

| **STT** | **Chuẩn đầu ra học phần** | **Mức độ theo thang Bloom** | **Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Chuẩn về kiến thức** |  |  |
| **LO1.1:** Sử dụng được từ vựng, các mẫu cơ bản trong một số chủ đề chính liên quan đến chuyên ngành Quản lý đất đai. | 3 | CĐR 03 |
| 2 | **Chuẩn về kỹ năng** |  |  |
| **LO2.1:** Đọc, viết và dịch về các chủ đề liên quan đến Quản lý đất đai. | 2 | CĐR 09,10,11,12,13,14 |
| 3 | **Năng lực tự chủ & trách nhiệm** |  |  |
| **LO3.1:** Có tinh thần trách nhiệm với công việc, không ngừng học tập tìm hiểu, nâng cao chuyên môn. | 2 | CĐR 16 |

**PHỤ LỤC 2**

**MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN**

1. **Mục tiêu học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu (Gx)** | **Mô tả mục tiêu** | **CĐR của CTĐT (X.x.x)** |
| G1 | Có vốn kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp liên quan đến chuyên ngành Quản lý đất đai. | CĐR 03 |
| G2 | Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ chính là đọc hiểu, viết, dịch thuật liên quan đến chuyên ngành Quản lý đất đai. | CĐR 09,10,11,12,  13,14 |
| G3 | Chủ động nghiên cứu và khai thác các tài liệu khoa học thuộc chuyên ngành Quản lý đất đai để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. | CĐR 16 |

1. **Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã CĐR** | **Mô tả CĐR học phần**  *Sau khi học xong học phần này, người học có thể:* | **Liên kết với CĐR của CTĐT** |
| **LO.1** | **Về kiến thức** |  |
| *LO.1.1* | Sử dụng được từ vựng, các mẫu cơ bản trong một số chủ đề chính liên quan đến chuyên ngành Quản lý đất đai. | CĐR 03 |
| **LO.2** | **Về kỹ năng** |  |
| *LO.2.1* | Đọc, viết và dịch về các chủ đề liên quan đến Quản lý đất đai. | CĐR 09,10,11,12,13  14 |
| **LO.3.** | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** |  |
| *LO.3.1* | Có tinh thần trách nhiệm với công việc, không ngừng học tập tìm hiểu, nâng cao chuyên môn. | CĐR 16 |

**PHỤ LỤC 3**

**NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN**

| **STT** | **Nội dung** | **Hoạt động dạy và học** | **Số tiết LT/TH** | **Tài liệu**  **học tập,**  **tham khảo** | **CĐR**  **học**  **phần** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **UNIT 1: RESOURCES**  **1. Reading**  **2. Vocabulary**  **3. Writing**  **4. Translation**  **5. Further practice** | **Giảng viên:**  - Giới thiệu học phần, đề cương chi tiết, TL học tập, TL tham khảo, qui định thi, kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn kế hoạch học tập; xây dựng các nhóm học tập.  - Thuyết giảng và giải thích nội dung của bài học.  - Phát vấn.  - Trả lời các câu hỏi của SV.  - Giao nhiệm vụ thảo luận.  **Sinh viên:**  - Suy nghĩ và chia sẻ những kiến thức nền liên quan đến bài 1 - - Nghe giảng, ghi chú  - Làm bài tập theo cặp hoặc theo nhóm - Trình bày trước giảng viên và các bạn cùng lớp  - Nghe và ghi chú lại nhận xét của giảng viên và của các bạn cùng lớp để điều chỉnh cho phù hợp | 1,5/2,5 | 1,2,3,4,5,6 | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1 |
| 2 | **UNIT 2: LAND RESOURCES**  **1. Reading**  **2. Vocabulary**  **3. Writing**  **4. Translation**  **5. Further practice** | **Giảng viên:**  - Thuyết giảng và giải thích nội dung của bài học.  - Phát vấn.  - Trả lời các câu hỏi của SV.  - Giao nhiệm vụ thảo luận.  **Sinh viên:**  - Nghiên cứu TL học tập và tham khảo.  - Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn và làm bài tập.  - Thực hành theo cặp/ nhóm | 1,5/2,5 | 1,2,3,4,5,6 | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1 |
| 3 | **UNIT 3: LAND RESOURCES IN VIETNAM**  **1. Reading**  **2. Vocabulary**  **3. Writing**  **4. Translation**  **5. Further practice** | **Giảng viên:**  - Thuyết trình và giảng giải nội dung của bài học.  - Phát vấn.  - Trả lời các câu hỏi của SV.  - Giao nhiệm vụ chuẩn bị trò chơi ngôn ngữ để ôn tập từ mới.  **Sinh viên:**  - Nghiên cứu TL học tập và tham khảo.  - Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn và làm bài tập.  - Thuyết trình theo chủ đề được giao. | 1,5/2,5 | 1,2,3,4,5,6 | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1 |
| 4 | **UNIT 4: HUMAN IMPACT ON ENVIRONMENT**  **1. Reading**  **2. Vocabulary**  **3. Writing**  **4. Translation**  **5. Further practice** | **Giảng viên:**  - Thuyết trình và giảng giải nội dung của bài học.  - Phát vấn.  - Trả lời các câu hỏi của SV.  - Giao nhiệm vụ thảo luận nhóm.  **Sinh viên:**  - Nghiên cứu TL học tập và tham khảo.  - Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn và làm bài tập.  - Thảo luận theo nhiệm vụ được giao. | 1,5/2,5 | 1,2,3,4,5,6 | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1 |
| 5 | **Progress Test 1** | **Giảng viên:**  - Hướng dẫn sinh viên cách làm bài kiểm tra. Công bố tiêu chí đánh giá, hình thức đánh giá.  **Sinh viên:**  - Làm bài kiểm tra | 0/1 | 1,2,3,4,5,6 | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1 |
|  |  |  |  |  |  |
| 6 | **UNIT 5: POLLUTION**  **1. Reading**  **2. Vocabulary**  **3. Writing**  **4. Translation**  **5. Further practice** | **Giảng viên:**  - Thuyết trình và giảng giải nội dung của bài học.  - Phát vấn.  - Trả lời các câu hỏi của SV.  - Giao nhiệm vụ thảo luận.  **Sinh viên:**  - Nghiên cứu TL học tập và tham khảo.  - Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn và làm bài tập.  - Thực hành theo cặp. | 1,5/2,5 | 1,2,3,4,5,6 | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1 |
| 7 | **UNIT 6: LAND EVALUATION**  **1. Reading**  **2. Vocabulary**  **3. Writing**  **4. Translation**  **5. Further practice** | **Giảng viên:**  - Thuyết giảng và giải thích nội dung của bài học.  - Phát vấn.  - Trả lời các câu hỏi của SV.  - Giao nhiệm vụ thảo luận.  **Sinh viên:**  - Nghiên cứu TL học tập và tham khảo.  - Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn và làm bài tập.  - Thực hành theo cặp/ nhóm | 1,5/2,5 | 1,2,3,4,5,6 | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1 |
| 8 | **UNIT 7: LAND-USE PLANNING AND LAND ALLOCATION**  **1. Reading**  **2. Vocabulary**  **3. Writing**  **4. Translation**  **5. Further practice** | **Giảng viên:**  - Thuyết giảng và giải thích nội dung của bài học.  - Phát vấn.  - Trả lời các câu hỏi của SV.  - Giao nhiệm vụ thảo luận.  **Sinh viên:**  - Nghiên cứu TL học tập và tham khảo.  - Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn và làm bài tập. | 1,5/2,5 | 1,2,3,4,5,6 | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1 |
| 9 | **Mid-term Test** | **Giảng viên:**  - Hướng dẫn sinh viên cách làm bài kiểm tra. Công bố tiêu chí đánh giá, hình thức đánh giá.  **Sinh viên:**  - Làm bài kiểm tra | 0/1 | 1,2,3,4,5,6 | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1 |
| 10 | **UNIT 8: GEOGRAPHICAL INFORMATION SYSTEM**  **1. Reading**  **2. Vocabulary**  **3. Writing**  **4. Translation**  **5. Further practice** | **Giảng viên:**  - Thuyết trình và giảng giải nội dung của bài học.  - Phát vấn.  - Trả lời các câu hỏi của SV.  - Giao nhiệm vụ thảo luận.  **Sinh viên:**  - Nghiên cứu TL học tập và tham khảo.  - Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn và làm bài tập. | 1,5/2,5 | 1,2,3,4,5,6 | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1 |
| 11 | **UNIT 9: SURVEYING**  **1. Reading**  **2. Vocabulary**  **3. Writing**  **4. Translation**  **5. Further practice** | **Giảng viên:**  - Thuyết giảng và giải thích nội dung của bài học.  - Phát vấn.  - Trả lời các câu hỏi của SV.  - Giao nhiệm vụ sử dụng trò chơi để học từ vựng  **Sinh viên:**  - Nghiên cứu TL học tập và tham khảo.  - Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn và làm bài tập.  - Làm việc theo nhóm | 1,0/2,5 | 1,2,3,4,5,6 | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1 |
| 12 | **UNIT 10: LAND AND PROPERTY MARKETS**  **1. Reading**  **2. Vocabulary**  **3. Writing**  **4. Translation**  **5. Further practice** | **Giảng viên:**  - Thuyết giảng và giải thích nội dung của bài học.  - Phát vấn.  - Trả lời các câu hỏi của SV.  - Sử dụng phương pháp học tập trực quan để học từ vựng  **Sinh viên:**  - Nghiên cứu TL học tập và tham khảo.  - Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn và làm bài tập.  - Làm việc theo nhóm | 1,0/2,5 |  | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1 |
| 13 | **UNIT 11: LAND LAW IN VIETNAM**  **1. Reading**  **2. Vocabulary**  **3. Writing**  **4. Translation**  **5. Further practice** | **Giảng viên:**  - Thuyết giảng và giải thích nội dung của bài học.  - Phát vấn.  - Trả lời các câu hỏi của SV.  - Giao nhiệm vụ tổ chức trò chơi ngôn ngữ theo nhóm  **Sinh viên:**  - Nghiên cứu TL học tập và tham khảo.  - Chuẩn bị trả lời các câu hỏi truy vấn và làm bài tập.  - Làm việc theo nhóm | 1,0/2,0 |  | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1 |
| 14 | **Presentation & Essay**  Progress Test 2 | **Giảng viên:**  - Hướng dẫn sinh viên cách làm bài thuyết trình. Công bố tiêu chí đánh giá, hình thức đánh giá.  - Phân nhóm và nội dung thuyết trình cho từng nhóm.  - Nghe sinh viên trình bày và cho ý kiến đánh giá  **Sinh viên:**  - SV chuẩn bị các bài thuyết trình và thuyết trình theo nhóm đã được phân công | 0/1 | 1,2,3,4,5,6 | LO.1.1  LO.2.1  LO.3.1 |

**PHỤ LỤC 4**

**PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

| **TT** | **Điểm thành phần**  **(Tỷ lệ %)** | **Quy định** | **Chuẩn đầu ra học phần** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| LO.1.1. | LO.2.1. | LO.3.1. |
| 1 | Điểm quá trình (50%) | 1. Kiểm tra định kỳ lần 1  + Hình thức: *Trắc nghiệm + Tự luận*  + Thời điểm: *Tuần 5*  *+* Hệ số: 1 | X | X | X |
| 2. Kiểm tra định kỳ lần 2  + Hình thức: *Thuyết trình*  + Thời điểm: *Tuần 15*  *+* Hệ số: *1* | X | X | X |
| 5. Thi giữa học phần  + Hình thức: *Trắc nghiệm + Tự luận*  + Thời điểm: *Tuần 10*  + Hệ số: *2* | X | X | X |
| 6. Kiểm tra chuyên cần  + Hình thức: *Điểm danh thống kê thời gian tham gia học trên lớp và ý thức học tập, tham gia thảo luận*  + Thời điểm: *Tuần 1-15*  + Hệ số: 1 | X | X | X |
| 2 | Điểm thi kết thúc học phần (50%) | + Hình thức: *Trắc nghiệm + Tự luận*  + Thời điểm: *Theo lịch thi học kỳ*  + Tính chất: *Bắt buộc* | X | X | X |